# MỤC LỤC

[MỤC LỤC i](#_Toc136006473)

[DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT iii](#_Toc136006474)

[DANH MỤC BẢNG iv](#_Toc136006475)

[DANH MỤC HÌNH 1](#_Toc136006476)

[CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ 2](#_Toc136006477)

[1. Tên chủ cơ sở: UBND xã Xuân Trường 2](#_Toc136006478)

[2. Tên cơ sở 2](#_Toc136006479)

[3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở 2](#_Toc136006480)

[3.1. Công suất của cơ sở 2](#_Toc136006481)

[3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở 2](#_Toc136006482)

[3.3. Sản phẩm của cơ sở 3](#_Toc136006483)

[4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở 3](#_Toc136006484)

[5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư 5](#_Toc136006485)

[1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường 9](#_Toc136006486)

[1.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia 9](#_Toc136006487)

[1.2. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường 10](#_Toc136006488)

[2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường 10](#_Toc136006489)

[CHƯƠNG III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN DẦU TƯ 11](#_Toc136006490)

[1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải (nếu có) 11](#_Toc136006491)

[1.1. Thu gom, thoát nước mưa 11](#_Toc136006492)

[1.2. Thu gom, thoát nước thải 11](#_Toc136006493)

[*1.2.1. Công trình thu gom, thoát nước thải* 11](#_Toc136006494)

[*1.2.1. Điểm xả nước thải sau xử lý* 12](#_Toc136006495)

[1.3. Xử lý nước thải 12](#_Toc136006496)

[2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải 13](#_Toc136006497)

[3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường 14](#_Toc136006498)

[4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại 15](#_Toc136006499)

[6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường 17](#_Toc136006500)

[7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có): Không có 21](#_Toc136006501)

[CHƯƠNG IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG 22](#_Toc136006502)

[1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải (nếu có) 22](#_Toc136006503)

[2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải (nếu có): 22](#_Toc136006504)

[3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung 22](#_Toc136006505)

[CHƯƠNG V: KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 23](#_Toc136006506)

[CHƯƠNG VI: CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 24](#_Toc136006507)

[CHƯƠNG VII: KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ 26](#_Toc136006508)

[CHƯƠNG VI: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ 27](#_Toc136006509)

# DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BXD : Bộ Xây dựng

BYT : Bộ Y tế

BOD : Nhu cầu oxy sinh hóa

COD : Nhu cầu oxy hóa học

CTNH : Chất thải nguy hại

CTR : Chất thải rắn

GPMT : Giấy phép môi trường

ĐVT : Đơn vị tính

HTXL : Hệ thống xử lý

KPH : Không phát hiện

NT : Nước thải

PCCC : Phòng cháy chữa cháy

TNHH : Trách nhiệm hữu hạn

VOC : Chất hữu cơ bay hơi

WHO : Tổ chức y tế thế giới

# DANH MỤC BẢNG

[Bảng 1. 1.Tổng nhu cầu sử dụng nước của cơ sở 4](#_Toc136006812)

[Bảng 1. 2. Danh mục máy móc, thiết bị chính phục vụ hoạt động dự án 5](#_Toc136006813)

[Bảng 1. 3. Diện tích các hạng mục công trình của dự án 8](#_Toc136006814)

[Bảng 3. 1. Các biện pháp xử lý cục bộ nước thải sinh hoạt tại Cơ sở 12](#_Toc136006815)

[Bảng 3. 2 Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt và chất thải công nghiệp thông thường phát sinh 14](#_Toc136006816)

[Bảng 3. 3.Thông tin công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường 15](#_Toc136006817)

[Bảng 3. 4. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh của dự án 15](#_Toc136006818)

[Bảng 6. 1. Bảng kinh phí thực hiện quan trắc môi trường định kỳ hàng năm 25](#_Toc136006819)

# DANH MỤC HÌNH

[Hình 1. 2. Vị trí dự án 7](#_Toc136006828)

[Hình 3.1. Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn 13](#_Toc136006829)

[Hình 3.3. Quy trình ứng phó sự cố cháy nổ 19](#_Toc136006830)

# **CHƯƠNG I:** **THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ**

1. Tên chủ cơ sở: UBND xã Xuân Trường

- Địa chỉ văn phòng: xã Xuân Trường, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở:

- Chức vụ: Chủ tịch UBND xã;

- Điện thoại: 0913.757.959

- Giấy đăng ký kinh doanh số: 3100195573

2. Tên cơ sở

“Chợ Gia Ray”.

- Địa điểm cơ sở: ấp Trung Nghĩa, xã Xuân Trường, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, tỉnh Đồng Nai.

- Quy mô của dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Dự án nhóm C.

- Quy mô sử dụng đất của dự án:

Dự án được thực hiện trên thửa đất số 98, tờ bản đồ số 18 với diện tích 2.778,9 m2 (diện tích đất được cấp: 2116.2 m2, không được cấp: 662.7 m2) tại xã Xuân Trường, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

3.1. Công suất của cơ sở

- Diện tích: Chợ Gia Ray với quy mô 2.116,2 m2

- Số sạp bán: 120

- Các loại sạp: 120

- Quy mô số tiểu thương buôn bán: 120 người

- Thời gian hoạt động: 18 giờ/ngày (từ 2h đến 20h)

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Đây là dự án đầu tư, xây dựng hạ tầng kỹ thuật (bao gồm hệ thống giao thông, thông tin liên lạc, cấp điện, cấp nước, thoát nước mưa, nước thải ), xây dựng và kinh doanh nhà ở. Do đặc thù dự án tập trung các loại hình kinh doanh, dịch vụ, thương mại của các tiểu thương nên không có quy trình công nghệ sản xuất mà dự án thành lập ban quản lý chợ để quản lý việc kinh doanh tại chợ.

Hàng hoá kinh doanh tại chợ là hàng hoá không thuộc danh mục pháp luật cấm kinh doanh. Các loại hàng hoá nhập vào chợ được tổ kiểm dịch và tổ quản lý chất lượng hàng hoá kiểm tra. Sau khi đạt yêu cầu hàng hoá được lưu kho để tiếp tục trung chuyển hoặc phân phối đến các gian, sạp, quầy dịch vụ bán hàng sau đó được bán cho người tiêu dùng tuỳ theo nhu cầu sử dụng. Hàng hoá kinh doanh tại chợ cần phải được xếp gọn gàng, ngăn nắp theo ngành hàng, nhóm hàng.

Ngoài hoạt động mua sắm tại chợ, người dân hay sử dụng dịch vụ ẩm thực tại chợ để được thưởng thức các món ăn. Nguyên liệu ban đầu là các loại thực phẩm: gà, cá, nem, ốc…….

UBND xã Xuân Trường sẽ chịu trách nhiệm về việc bố trí khu chợ đồng thời cũng sẽ thành lập Ban quản lý chợ bao gồm việc lựa chọn đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn, chất thải nguy hại, phối hợp với các bên liên quan để đấu nối điện, nước, giao thông, điều tiết giao thông đảm bảo an ninh trận tự trong khu vực, giám sát môi trường khu vực dự án định kỳ nhằm đảm bảo ngăn ngừa và xử lý kịp thời các sự cố xảy ra như sự cố cháy nổ, sạt lở, ngập úng...

3.3. Sản phẩm của cơ sở

Danh mục các sản phẩm đầu ra của dự án bao gồm: Dự án thuộc nhóm dự án xây dựng hạ tầng kinh doanh thương mại, không thuộc nhóm dự án sản xuất do đó sản phẩm của dự án là các Ki ốt, nhà chợ và khu phố chợ chính phục vụ kinh doanh thương mại đảm bảo theo tiêu chuẩn thiết kế xây dựng.

- Các mặt hàng buôn bán: Tạp hóa, tươi sống, rau củ quả, ăn uống, áo quần, giầy dép, quầy thuốc,

- Diện tích: Chợ Gia Ray với quy mô 2.116,2 m2.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

**(1) Nhu cầu nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu sử dụng của cơ sở.**

Nguyên liệu là các mặt hàng kinh doanh buôn bán chủ yếu từ các nhà cung cấp tại địa phương nhằm hạn chế chi phí giá thành vận chuyển. Nguyên liệu sử dụng chủ yếu là các loại lương thực, thực phẩm phục vụ nhu cầu của người dân, riêng mặt hàng hải sản được chuyên chở từ các tỉnh thành như Bà Rịa – Vũng Tàu, các tỉnh miền Tây Nam bộ….. Lượng nguyên liệu trong một ngày lưu thông tại chợ phụ thuộc vào sức mua của người dân trong địa bàn.

- Các mặt hàng buôn bán: Tạp hóa, tươi sống, rau củ quả, ăn uống, áo quần, giầy dép, quầy thuốc.

***a) Nhu cầu sử dụng điện phục vụ hoạt động sản xuất của cơ sở.***

**\* Nguồn cung cấp điện:**

Nguồn cung cấp điện phục vụ cho quá trình hoạt động của chợ do Công ty TNHH Điện lực Đồng Nai – Chi nhánh Điện lực Xuân Lộc cung cấp.

**\* Nhu cầu tiêu thụ điện:**

Nhu cầu điện tiêu thụ của dự án hiện hữu là khoảng 2.800 kWh/thángbao gồm nhu cầu sử dụng điện cho hoạt động buôn bán tại chợ.

***(b) Nhu cầu sử dụng nước phục vụ hoạt động của cơ sở.***

**\* Nguồn cung cấp**

+ Nguồn nước do Chi nhánh cấp nước Xuân Lộc – Công ty Cổ phần cấp nước Đồng Nai cung cấp.

+ Nguồn cấp nước được lấy từ đường ống cấp nước D400 hiện hữu dọc trục đường QL 1A.

**\* Nhu cầu sử dụng nước**

Nhu cầu sử dụng nước của dự án bao gồm: nước sử dụng cho mục đích sinh hoạt của các tiểu thương, nước dùng cho các gian hàng thực phẩm tươi sống, khu vực ăn uống của chợ và nước cấp cho vệ sinh chợ.

Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước của dự án được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 1. 1.Tổng nhu cầu sử dụng nước của cơ sở

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mục đích sử dụng nước** | **Nhu cầu sử**  **dụng nước (m3/ngày.đêm)** | **Lượng nước**  **thải phát sinh**  **(m3/ngày.đêm)** |
| 1 | Nước cấp cho sinh hoạt | 3,0 | 2,4 |
| 2 | Nước cấp cho các gian hàng thực  phẩm tươi sống, khu vực ăn uống của chợ | 1,0 | 0,8 |
| 3 | Nước cấp cho vệ sinh chợ | 0,5 | 0,4 |
| 4 | Nước tưới cây, rửa đường | 0,5 | 0 |
|  | **Tổng cộng** | **5,0** | **3,6** |

*(Nguồn: Chợ Gia Ray)*

***c) Nhu cầu sử dụng lao động tại dự án***

* Số lao động phục vụ hoạt động của dự án: 120 người.
* Thời gian hoạt động của các tiểu thương tại chợ: 18 giờ hằng ngày (từ 2h đến 20h)

**2) Danh mục máy móc thiết bị sử dụng tại cơ sở**

Các loại máy móc, trang thiết bị chính phục vụ hoạt động của Chợ được trình bày chi tiết trong bảng sau:

Bảng 1. 2. Danh mục máy móc, thiết bị chính phục vụ hoạt động dự án

| **Stt** | **Loại máy móc, thiết bị** | **Số lượng** | **Công suất** | **Tình trạng thiết bị** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Trạm biến áp | 01 | 50kVA | 90% |
|  | Hệ thống cấp nước | 01 | hệ thống | 90% |
|  | Hệ thống thoát nước mưa | 01 | hệ thống | 90% |
|  | Hệ thống thoát nước thải | 01 | hệ thống | 90% |
|  | Hệ thống PCCC | - | - | 90% |
|  | Bể tự hoại | 01 | 8 m3 | 90% |
|  | Máy phát điện | 01 | - | 90% |

*(Nguồn:* *Chợ Gia Ray)*

5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư

**5.1. Các cơ sở pháp lý liên quan đến dự án đầu tư**

* Quyết định về việc thành lập Ban Quản lý Chợ Gia Ray.
* Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 73B197 ngày 12/04/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường cấp với mục đích sử dụng: đất chợ
* Giấy chứng nhận thẩm duyệt, nghiệm thu PCCC.
* Hợp đồng thu gom xử lý chất thải công nghiệp thông thường.
* Hợp đồng thu gom chất thải nguy hại.
* Hợp đồng thu gom rác thải sinh hoạt.

## 5.2. Vị trí dự án

Dự án được thực hiện trên thửa đất số 98, tờ bản đồ số 18 với diện tích 2.778,9 m2 (diện tích đất được cấp: 2116.2 m2, không được cấp: 662.7 m2) m2 tại xã Xuân Trường, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

Các phía tiếp giáp dự án như sau:

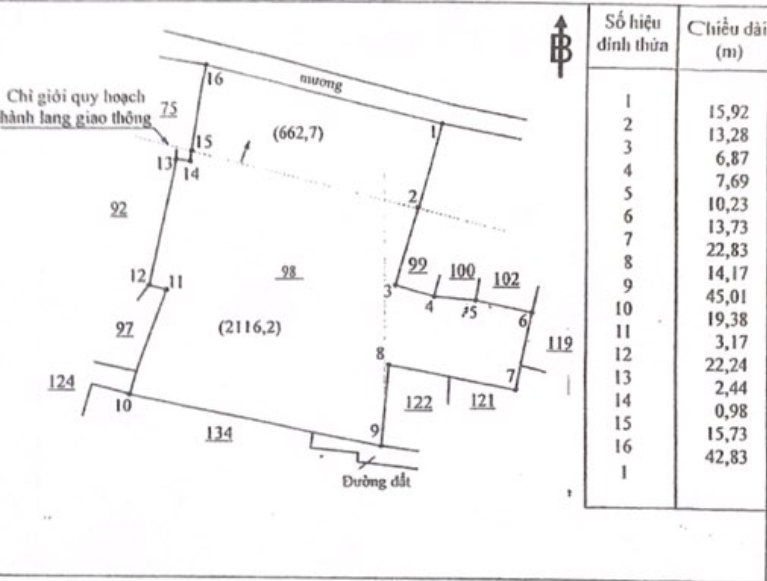
• Phía Đông giáp : nhà dân

• Phía Tây giáp : nhà dân

• Phía Bắc giáp : Đường nhựa

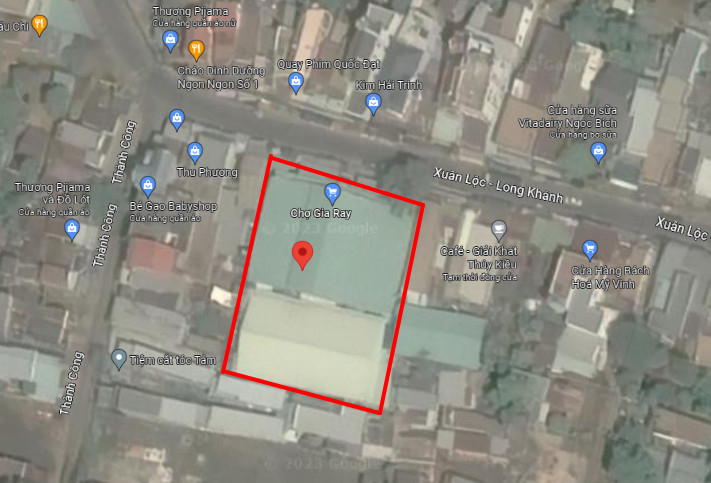
• Phía Nam giáp : nhà dân

Vị trí các mốc tọa độ của dự án:



**Hình 1. 1.Các mốc tọa độ của dự án**

- Giao thông bên trong cơ sở: Giao thông đi lại ben trong cơ sở rộng rãi, thông thoáng đảm bảo cho các phương tiện di chuyển thuận lợi khi có tình huống cháy nổ xảy ra. Đường giao thong bên trong cơ sở đảm bảo chiều cao thông thủy, chiều rộng cho các xe chữa cháy hoạt động bình thường.



Hình 1. 2. Vị trí dự án

## 5.3. Hạng mục công trình của dự án

Các hạng mục công trình của dự án được thể hiện chi tiết trong bảng sau:

Bảng 1. 3. Diện tích các hạng mục công trình của dự án

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Hạng mục xây dựng** | **Diện tích (m2)** | ***Tỉ lệ (%)*** |
| 1 | Nhà lồng Lipsap | 689,52 | *32,58* |
| 2 | Nhà ban quản lý chợ | 13,6 | *0,64* |
| 3 | Khu Kiot bán hàng | 6,25 | *0,30* |
| 4 | Tháp nước |
| 5 | Nhà lồng chợ 01 | 1.069,2 | *50,52* |
| 6 | Nhà lồng chợ 02 | 250,8 | *11,85* |
| **II** | **Cây xanh, thảm cỏ** | 50 | *2,36* |
| **III** | **Đường giao thông nội bộ** | 36,83 | *1,74* |
| **Tổng diện tích** | | **2.116,2** | ***100*** |

CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

1.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia

Hiện nay do chưa có quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia do đó chủ cơ sở không có cơ sở để đánh giá sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường Quốc Gia.

Tuy nhiên về các quy hoạch khác có liên quan, chủ cơ sở đảm bảo phù hợp với các quy hoạch liên quan khác như:

- Kế hoạch quốc gia về quản lý chất lượng môi trường không khí giai đoạn 2021-2025 (Quyết định số 1973/QĐ-TTg ngày 23/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ);

- Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 2149/QĐ-TTG ngày 17/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ).

- Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ);

- Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022).

Về quy hoạch bảo vệ môi trường tỉnh Đồng Nai: Chủ cơ sở cam kết tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường của tỉnh, cụ thể:

Hiện tại trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải và khí thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Quyết định số 36/2018/QĐ-UBND ngày 06/09/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Sửa đổi, bổ sung Khoản 1, Khoản 2, Điều 1 của Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 của UBND tỉnh về việc phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải và khí thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Đồng thời ngày 20/4/2022 UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành Kế hoạch số 88/KH-UBND về Bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2022. Trong quá trình hoạt động chủ cơ sở đảm bảo tuân thủ theo Kế hoạch số 88/KH-UBND ngày 20/4/2022.

1.2. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

* Vị trí cơ sở thực hiện trên thửa đất số 98 tờ bản đồ số 18 với diện tích 2.116,2 m2 tại xã Xuân Trường, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai với mục đích sử dụng đất chợ phù hợp với quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

* Do đặc thù hoạt động dự án là xây dựng và kinh doanh hạ tầng chợ hoạt động dịch vụ thương mại nên hầu như không có nguồn phát thải khí thải. Môi trường không khí khu vực chỉ bị tác động bởi khí thải từ các phương tiện giao thông như xe máy, ô tô và mùi phát sinh từ khu vực buôn bán. Vì vậy khả năng chịu tải môi trường không khí hoàn toàn có thể đáp ứng được các hoạt động của khu phố chợ.
* Dự án chủ yếu phát sinh nước thải từ hoạt động sinh hoạt của chợ do đó lượng nước thải sẽ được xử lý qua bể tự hoại, định kỳ Ban Quản lý chợ thuê đơn vị hút hầm cầu, không xả thải ra môi trường, vì vậy không ảnh hưởng đến môi trường bên ngoài.
* Đồng Nai có các khu xử lý chất thải rắn tập trung: khu xử lý chất thải xã Tây Hòa (huyện Trảng Bom), khu xử lý chất thải xã Quang Trung (huyện Thống Nhất) đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và hợp vệ sinh, khu xử lý chất thải xã Xuân Mỹ (huyện Cẩm Mỹ), khu xử lý chất thải xã Bàu Cạn (huyện Long Thành), khu xử lý chất thải xã Xuân Tâm (huyện Xuân Lộc), khu xử lý chất thải xã Túc Trưng (Định Quán); đảm bảo thu gom, xử lý chất thải phát sinh từ hoạt động của dự án khi đi vào hoạt động.

# **CHƯƠNG III:** **KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN DẦU TƯ**

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải (nếu có)

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

- Hệ thống thu gom, thoát nước mưa của cơ sở đã được xây dựng tách riêng với hệ thống thu gom, thoát nước thải.

- Nước mưa từ sân nền sẽ được gom về mương nước mưa được bố trí dọc xung quanh dự án và đấu nối vào hệ thống thoát nước mưa của khu vực.

- Nước mưa từ mái tôn công trình đã được thu gom vào các ống đứng bằng nhựa PVC D90, sau đó được xả ra mương thoát nước mưa BTCT với lưới chắn thép và các hố ga, sau đó đấu nối vào hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực.

*(Sơ đồ hệ thống thu gom nước mưa, vị trí đấu nối nước mưa được đính kèm tại phụ lục)*.

Nước mưa chảy tràn

Hố ga,

song chắn rác

Mương thoát nước mưa của Cơ sở

Hệ thống thoát nước

của khu vực

Thùng thu gom

Rác, cặn

- Ngoài ra, Cơ sở có bố trí công nhân quét dọn, thu gom vệ sinh hàng ngày để hạn chế các chất bẩn có trên mặt bằng Cơ sở nhằm giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước cũng như tạo môi trường sạch sẽ trong Cơ sở. Đối với lượng chất rắn lắng tại các hố ga như: đất cát, rác,… được định kỳ nạo vét, thu gom, xử lý theo quy định để tránh tắc nghẽn cống thoát nước mưa.

- Đối với các khu vực chứa nguyên liệu bố trí mái che, gờ bao nhằm đảm bảo không bị nước mưa xâm nhập làm ô nhiễm nguồn nước mưa.

1.2. Thu gom, thoát nước thải

*1.2.1. Công trình thu gom, thoát nước thải*

Sơ đồ thu gom, xử lý nước thải

Nước thải sinh hoạt

Nước thải từ các gian hàng, khu vực ăn uống

Nước thải từ quá trình vệ sinh chợ

Bể tự hoại 3 ngăn

Giao đơn vị hút hầm cầu

*1.2.1. Điểm xả nước thải sau xử lý*

Dự án không xả nước thải ra ngoài

1.3. Xử lý nước thải

Các biện pháp xử lý nước thải cục bộ tại các nguồn phát sinh được trình bày tại bảng:

Bảng 3. 1. Các biện pháp xử lý cục bộ nước thải sinh hoạt tại Cơ sở

| **Stt** | **Công trình** | **Hệ thống xử lý cục bộ nước thải** |
| --- | --- | --- |
| 01 | Nhà vệ sinh; các sạp trong chợ thực phẩm | Nước thải sinh hoạt 🡪 Bể tự hoại 3 ngăn 🡪 Thuê đơn vị đến hút hầm cầu định kỳ, không xả thải ra ngoài môi trường |

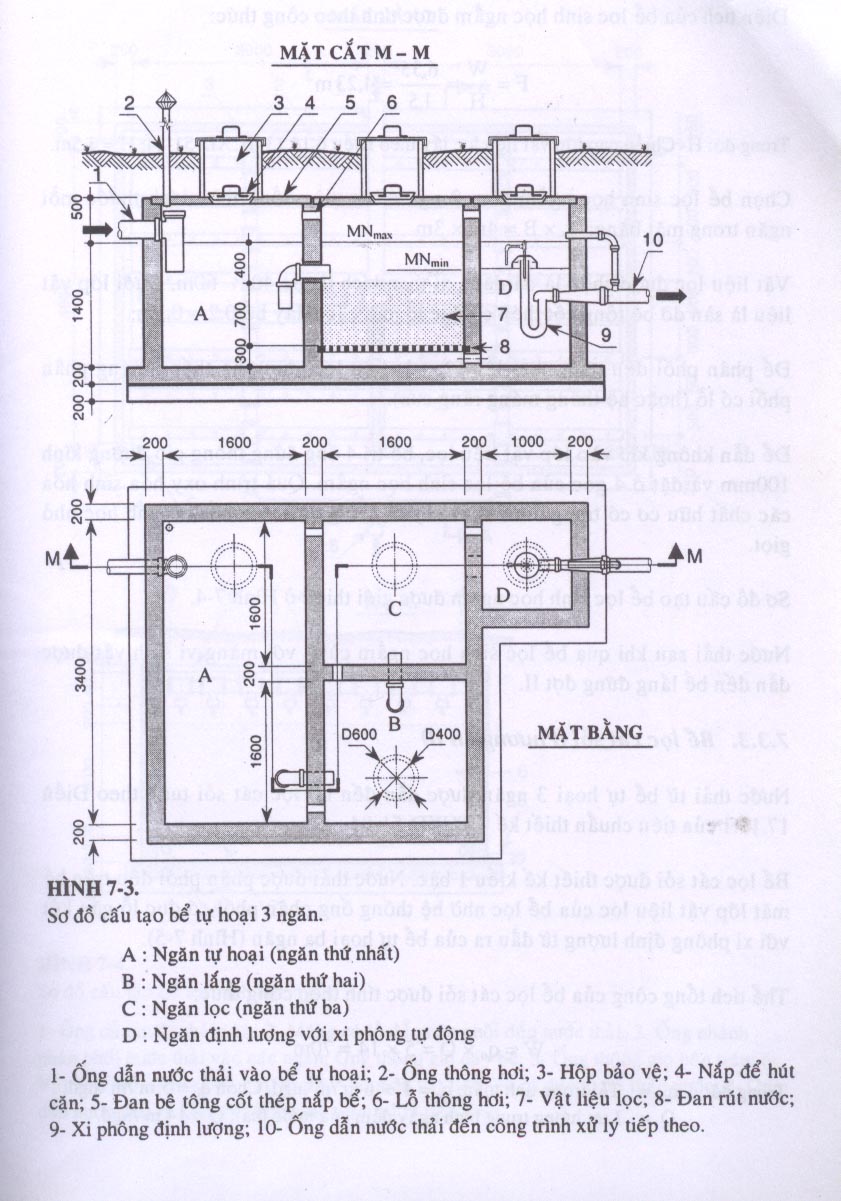
Toàn bộ nước thải phát sinh tại cơ sở được thu gom về bể tự hoại 3 ngăn của cơ sở để xử lý, sau đó định kỳ Ban Quản lý chợ sẽ liên hệ đơn vị đến hút hầm cầu, không xả thải ra ngoài môi trường. Hiện hữu tại cơ sở đã có bể tự hoại 3 ngăn với tổng thể tích là 8 m3 đảm bảo xử lý toàn bộ nước thải phát sinh tại cơ sở (lưu lượng nước thải phát sinh tại cơ sở trung bình 3,6 m3/ngày).

Nguyên lý hoạt động của bể tự hoại như sau:

Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh, nhà ăn được dẫn đến hệ thống bể xử lý tự hoại, thông qua các cống thoát đã được xi măng hóa. Bể tự hoại là công trình đồng thời làm 2 chức năng: Lắng và phân hủy cặn lắng. Bể tự hoại được thiết kế 3 ngăn, khi nước thải đổ vào bể sẽ được giữ lại ở ngăn thứ I. Tại đây các chất rắn lơ lửng có kích thước lớn được giữ lại và phần nước tiếp tục qua ngăn thứ II, ở ngăn thứ II nước được giữ ổn định trong một thời gian, để tiếp tục lắng các chất lơ lửng có kích thước hạt nhỏ. Mặt khác nước chứa trong bể tự hoại, dưới sự ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí các chất hữu cơ sẽ bị phân hủy, một phần tạo thành các chất khí, một phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan. Nước thải được giữ trong bể tự hoại trong một thời gian nhất định, để đảm bảo hiệu suất lắng cũng như phân hủy.

Nước thải sau khi qua các bể tự hoại sẽ giao đơn vị hút hầm cầu

Sơ đồ bể tự hoại 3 ngăn được sử dụng tại của dự án được trình bày cụ thể:



Hình 3.1. Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn

A: Ngăn tự hoại (ngăn thứ nhất), B: Ngăn lắng (ngăn thứ hai)

C: Ngăn lọc (ngăn thứ ba), D: Ngăn định lượng với xi phông tự động

1 - Ống dẫn nước thải vào bể tự hoại; 2 - Ống thông hơi; 3 - Hộp bảo vệ; 4 - Nắp để hút cặn; 5 - Đan bê tông cốt thép nắp bể; 6 - Lỗ thông hơi; 7 - Vật liệu lọc; 8 - Đan rút nước; 9 - Xi phông định lượng; 10 - Ống dẫn nước thải đến công trình xử lý tiếp theo.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Do đặc trưng ngành nghề của cơ sở không phát sinh khí thải tại nguồn mà chỉ phát sinh bụi khí thải do hoạt động của các phương tiện ra vào khu chợ.

**Nguồn phát sinh**:

+ Ô nhiễm do bụi, khí thải, tiếng ồn,..phát sinh từ các phương tiện vận chuyển gồm bụi, SOx, NOxCO, THC,...

+ Khí gas hoặc điện từ hoạt động đun nấu của các hộ dân

**Biện pháp giảm thiểu:**

+ Thực hiện bê tông hóa đường nội bộ để hạn chế bụi.

+ Yêu cầu các phương tiện giao thông giảm tốc độ và chuyên chở đúng trọng tải quy định.

+ Đối với các phương tiện xe tải chờ bốc dỡ hàng hóa vận chuyển ra vào tuyệt đối không được nổ máy trong khi chờ giao nhận hàng hóa.

+ Quy định các xe chở nguyên vật liệu, đất đá đi vào phải được che kín, không để rơi trên đường.

+ Bố trí hợp lý hệ thống cây xanh giữa các điểm dân cư, dọc theo các tuyến giao thông trong và ngoài vành đai KDC để giảm thiểu khả năng phát tán bụi và tiếng ồn. Tăng cường trồng cây xanh và thảm cỏ để tạo cảnh quan thân thiện môi trường.

+ Vệ sinh thường xuyên các tuyến đường.

+ Hướng dẫn lưu thông hợp lý, tránh ùn tắc giao thông làm gia tăng hàm lượng khí thải ảnh hưởng đến chất lượng không khí.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

**a. Khối lượng phát sinh**

Chất thải rắn thông thường phát sinh chủ yếu như bao bì, thùng, carton, băng keo không còn sử dụng, các mặt hàng hư hỏng,….

Chất thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của tiểu thương như: các loại rau củ quả hư, thực phẩm, thức ăn thừa, bao bì ni lông, hộp nhựa,,….

Khối lượng phát sinh cụ thể như sau:

Bảng 3. 2 Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt và chất thải công nghiệp thông thường phát sinh

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nhóm CTRSH** | **Số lượng (kg/tháng)** | **Mã chất thải** | **Phân loại chất thải** |
|  | Chất thải rắn sinh hoạt | 25.200 | - | - |
|  | Bao bì giấy, nylon, nhựa các loại không bị nhiễm các thành phần nguy hại | 1.500 | 18 01 06 | TT-R |
|  | Bùn thải từ bể tự hoại | 150 | 14 03 04 | TT |
|  | Giấy loại bỏ từ văn phòng | 300 | 18 01 05 | TT |
|  | Chất thải mô động vật | 20 | 14 03 02 | TT-R |
|  | Hộp chứa mực in thải (mực in văn phòng) | 1 | 08 02 08 | TT |
|  | Hỗn hợp dầu mỡ thải và chất béo | 500 | 12 06 11 | TT |
|  | Bao bì đóng gói hư hỏng, giấy carton, giấy vụn | 800 | 18 01 05 | TT-R |

**b. Biện pháp thu gom và lưu giữ, xử lý**

Chất thải rắn được thu gom, lưu giữ và xử lý triệt để theo đúng quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường.

Bảng 3. 3.Thông tin công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

|  |  |
| --- | --- |
| **Khu lưu chứa** | **Diện tích** |
| Chất thải rắn sinh hoạt | Bố trí 11 thùng chứa có nắp đậy kín 45-120 lít và thu gom vào thùng chứa lớn dung tích 660 lít. |
| Chất thải không nguy hại | Khu vực lưu giữ chất thải 20 m2 (được bố trí bên trong kho chứa chất thải diện tích 30 m2), nền Bê tông, có tường bao, mái che kín |

- Bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực có phát sinh, sau đó chuyển thẳng vào thùng chứa rác lớn 45-120 lít lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt của Cơ sở. Các tiểu thương thu gom và tập kết về các thùng chứa dung tích 660 lít. Gần cuối ngày sẽ có đội vệ sinh môi trường đến thu gom và phân loại rác từ các thùng này, dùng xe chuyên dụng đưa tới khu vực tập kết rác.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường trong quá trình hoạt động của cơ sở được thu gom và lưu trữ tạm thời tại khu lưu chứa chất thải diện tích 20 m2 (được bố trí bên trong kho chứa chất thải diện tích 30m2).

- Chất thải sinh hoạt, công nghiệp phát sinh tại sơ sở được hợp đồng chuyển giao cho đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định. *(UBND xã Xuân Trường ký hợp đồng với HTX Vệ sinh Môi trường xã Xuân Hưng).*

- Lượng bùn phát sinh từ bể tự hoại (không đưa về khu vực lưu giữ chất thải) được Ban quản lý chợ định kỳ thuê xe hút hầm cầu đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

**a. Khối lượng phát sinh**

Thống kê chi tiết khối lượng từng loại chất thải phát sinh tối đa tại dự án cụ thể:

Bảng 3. 4. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh của dự án

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Tên chất thải** | **Trạng thái tồn tại (Rắn/lỏng/bùn)** | **Số lượng phát sinh (kg/năm)** | **Mã CTNH** | **Loại chất thải** |
| 1 | Giẻ lau nhiễm dầu từ quá trình bảo trì thiết bị | Rắn | 80 | 18 02 01 | KS |
| 2 | Dầu bôi trơn tổng hợp | Lỏng | 70 | 17 02 01 | NH |
| 3 | Bóng đèn huỳnh quang thải | Rắn | 50 | 16 01 06 | NH |
| 4 | Bao bì cứng thải bằng kim loại | Rắn | 120 | 18 01 02 | KS |
| 5 | Bao bì cứng thải bằng nhựa | Rắn | 150 | 18 01 06 | KS |
| 6 | Pin Ni-Cd thải | Rắn | 5 | 19 06 02 | NH |
| 7 | Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện | Rắn | 50 | 16 01 13 | NH |
| 8 | Chất tẩy rửa thải có các thành phần nguy hại | Rắn | 5 | 16 01 10 | NH |
| **TỔNG CỘNG** | | | **530** |  |  |

*(Nguồn: Chợ Gia Ray)*

Ghi chú:

KS: Chất thải công nghiệp phải kiểm soát Cần áp dụng ngưỡng CTNH (hay ngưỡng nguy hại của chất thải) theo quy định tại QCKTMT về ngưỡng CTNH để phân định là CTNH hoặc CTRCNTT.

NH: Chất thải nguy hại.

Đối với các mã CTNH phân loại được kiểm soát theo CTNH hoặc CTRCNTT,Chủ đầu tư cam kết sẽ thực hiện phân định chất thải hoặc định kỳ thu mẫu trước khi chuyển giao theo chất thải thông thương, đảm bảo kiểm soát, thu gom và xử lý chất thải theo đúng quy định hiện hành*.*

**b. Biện pháp thu gom và lưu giữ, xử lý**

Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất được phân loại, bảo quản chất thải nguy hại (CTNH) theo chủng loại trong các bồn chứa, thùng chứa, bao bì chuyên dụng đáp ứng các yêu cầu về an toàn, kỹ thuật, đảm bảo không rò rỉ, rơi vãi hoặc phát tán ra môi trường, có dán nhãn bao gồm các thông tin sau:

Tên chất thải nguy hại, mã CTNH theo danh mục CTNH;

Mô tả về nguy cơ do CTNH có thể gây ra (dễ cháy, dễ nổ, dễ bị oxi hóa,…);

Ngày bắt đầu được đóng gói, bảo quản;

Dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo TCVN 6707:2009 về “Chất thải nguy hại - dấu hiệu cảnh báo”.

Sau khi phân loại tại nguồn, chất thải được chứa trong các thùng chứa chuyên dụng đối với từng loại chất thải và được tập trung chứa tại khu lưu chứa chất thải với diện tích 10 m2 (nằm trong khu vực chất thải 30 m2). Kho lưu giữ được bố trí có mái che và tường bao quanh, được phân chia khu vực hợp lý, tương ứng với từng loại chất thải. Sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường.

- Công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

## 5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

*\* Giảm thiểu tiếng ồn, độ rung từ các phương tiện lưu thông ra vào dự án*

- Tiếng ồn, rung từ các phương tiện lưu thông ra vào nhà máy chủ yếu tập trung vào giờ cao điểm, và quá trình vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm, biện pháp chống ồn được áp dụng như sau:

- Hạn chế vận chuyển hàng vào ban đêm, giờ tan ca để giảm thiểu tác động do tiếng ồn đến khu vực xung quanh;

- Lắp đặt biển báo, quy định giao thông trong khu vực dân cư và khuôn viên Nhà máy.

- Tiến hành bảo dưỡng định kỳ đối với tất cả các phương tiện vận chuyển, thay thế những bộ phận hư hỏng,…

- Trồng cây xanh trong khuôn viên Nhà máy.

- Thường xuyên nạo vét, khơi thông hệ thống thoát nước, tránh gây ngập úng, ảnh hưởng đến hệ thống thoát nước khu vực.

- Bố trí khu vực để xe hợp lý.

- Quy định tốc độ xe ra vào cho nhân viên và khách, vận tốc tối đa 5 km/giờ.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

*1) Các biện pháp phòng ứng phó sự cố hư hỏng bể tự hoại*

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố có thể xảy ra như:

- Tắc nghẽn bồn cầu hoặc tắc nghẽn đường ống dẫn đến phân, nước tiểu không tiêu thoát được.

- Tắc đường ống thoát khí bể tự hoại gây mùi hôi thối trong nhà vệ sinh hoặc có thể gây nổ hầm cầu. Trường hợp này phải thông ống dẫn khí để hạn chế mùi hôi cũng như đảm bảo an toàn cho nhà vệ sinh.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng tiến hành thu gom, hút hầm cầu định kỳ và mang đi xử lý đúng quy định.

- Phòng chống sự cố do hoạt động không hiệu quả của bể tự hoại: đã trình bày ở phần trên.

*2) Các biện pháp phòng, chống cháy nổ*

- Áp dụng đồng bộ các biện pháp về kỹ thuật, tổ chức huấn luyện, tuyên truyền giáo dục và pháp chế.

- Về biện pháp kỹ thuật, ngoài các biện pháp chung như cách ly các công đoạn dễ cháy xa khu vực khác, giảm tới mức thấp nhất lượng chất dễ cháy nổ trong khu vực nhà xưởng

- Các thiết bị điện phải tính toán dây dẫn có tiết diện hợp lý với cường độ dòng, phải có thiết bị bảo vệ chống quá tải.

- Tổ chức trang bị tốt kiến thức phòng chảy cho công nhân, trang bị đầy dủ các phương tiện chữa cháy để phục vụ khi có sự сố.

*\* Trang bị các phương tiện PCCC phải đảm bảo các điều sau:*

- Bảo đảm về các thông số kỹ thuật theo thiết kế phục vụ cho phòng cháy và chữa cháy.

- Phù hợp với tiêu chuẩn của Việt Nam hoặc tiêu chuẩn nước ngoài, tiêu chuẩn quốc tế được phép áp dụng tại Việt Nam.

- Phương tiện phòng cháy và chữa cháy phải được phép sử dụng của cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh Đồng Nai có thẩm quyền và phải được kiểm định về chất lượng, chủng loại, mẫu mã theo quy định của Công an tỉnh Đồng Nai.

- Thường xuyên kiểm tra, thay thế các bóng đèn cũ bị hư hỏng để đảm bảo ánh sáng. Công nhân được hướng dẫn đầy đủ các biện pháp an toàn trong sử dụng điện, máy móc thiết bị, được khám sức khỏe định kỳ phát hiện sớm nguy cơ gây bệnh nghề nghiệp để có biện pháp khắc phục.

- Kiểm tra định kỳ các phương tiện vận chuyển và tuân thủ nghiêm ngặt các quy định an toàn trong vận chuyển.

- Các máy móc thiết bị được sắp xếp bố trí trật tự, gọn và có khoảng cách an toàn cho công nhân khi có sự cố cháy nổ xảy ra. Toàn bộ máy móc thiết bị được kiểm tra và bảo dưỡng, duy tu theo kế hoạch để đảm bảo luôn ở tình trạng tốt. Các máy móc thiết bị có nội quy vận hành sử dụng an toàn, được gắn tại vị trí hoạt động. Chủ dự án thường xuyên huấn luyện cho công nhân thực thi đầy đủ và kiểm tra không để xảy ra tai nạn lao động do không thực hiện đúng nội quy vận hành sử dụng an toàn thiết bị.

* + **Biện pháp chữa cháy:**

Không

Báo động an toàn cho toàn nhà máy

Thông báo cho lãnh đạo nhà máy

Nghiêm trọng

Dập lửa

Thu dọn hiện trường

Điều tra và viết báo cáo sự cố

Cắt điện

Báo cho đội PCCC

Thoát hiểm nếu cần

Kết hợp với đội PCCC dập lửa

Có

Hình 3.3. Quy trình ứng phó sự cố cháy nổ

(1) Dập lửa:

Ngay từ khi phát hiện có cháy, lực lượng chữa cháy tại các công trường và các lực lượng khác cần tiến hành ngay các công tác dập lửa. Sử dụng các dụng cụ như: bình chữa cháy, nước để dập lửa.

(2) Dọn dẹp:

Sau khi ngọn lửa được dập tắt, điều động nhân công dọn dẹp sạch sẽ khu vực bị cháy, các chi tiết, thiết bị, máy móc bị hỏng cũng được tháo dỡ và vận chuyển ra khỏi khu vực.

(3) Báo cáo điều tra nguyên nhân và rút kinh nghiệm:

Ngay sau khi phát hiện cháy, cần báo cáo ngay với cơ quan hữu quan để phối hợp trong công tác chữa cháy. Sau đó Chủ cơ sở sẽ cùng với cơ quan hữu quan sẽ cùng tiến hành công tác điều tra xác định nguyên nhân và lập thành báo cáo gửi các bên có liên quan. Ngoài ra Chủ dự án sẽ tiến hành công tác đánh giá thiệt hại, xác định những hư hại và phần cần sửa chữa để có kế hoạch cụ thể khắc phục.

Hiệu quả của việc áp dụng các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động tiêu cực, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường giúp ngăn ngừa, giảm thiểu các thiệt hại về môi trường và kinh tế nếu xảy ra sự cố.

Kết luận: Những biện pháp giảm thiểu được đề xuất ở trên là các biện pháp khả thi và tối ưu góp phần bảo vệ chất lượng môi trường cũng như sức khoẻ của người lao động trong quá trình hoạt động của dự án. Do vậy, khi dự án đi vào vận hành chủ dự án sẽ thực hiện đúng theo các phương án như trên để đảm bảo chất lượng môi trường tại dự án cũng như khu vực xung quanh, bảo đảm sức khoẻ của người lao động.

*3) An toàn và vệ sinh lao động:*

Để hạn chế tai nạn lao động xảy ra, chủ dự án cam kết thực hiện các biện pháp sau:

* Trang bị đủ các phương tiện bảo hộ lao động cá nhân khi cần thiết để đảm bảo an toàn lao động trong khi làm việc như: Mũ bảo hộ, quần áo bảo hộ, giày bảo hộ, khẩu trang, bao tay, kính chuyên dụng;
* Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các nội quy về an toàn lao động và vệ sinh lao động cho công nhân viên bằng một số hình thức như: lắp đặt bảng nội quy tại các khu vực sản xuất, biển báo nhắc nhở nơi sản xuất nguy hiểm, kiểm tra và nhắc nhở tại hiện trường,…
* Kiểm tra các thông số kỹ thuật và điều kiện an toàn của máy móc, phương tiện trước khi đưa vào hoạt động;
* Tổ chức cứu chữa các ca tai nạn lao động nhẹ và sơ cứu các ca tai nạn nghiêm trọng trước khi chuyển về bệnh viện;
* Bố trí phòng y tế làm chỗ nghỉ ngơi, sơ cấp cứu tại chỗ cho công nhân viên không đủ sức khỏe làm việc hoặc bị tai nạn lao động;
* Tổ chức khám bệnh định kỳ cho công nhân viên ít nhất 1 lần/năm.

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có): Không có

# **CHƯƠNG IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải (nếu có)

- Thu gom toàn bộ nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động của khu chợ Gia Ray được thu gom xử lý bằng hầm tự hoại, không xả thải ra ngoài môi trường. Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom định kỳ nước thải phát sinh.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải (nếu có):

- Hoạt động của cơ sở không phát sinh khí thải tại nguồn do đó không thuộc đối tượng xin cấp phép khí thải.

- Đối với bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện ra vào khu chợ: Điều tiết hạn chế tốc độ xe ra vào khu chợ để giảm thiểu bụi, hướng dẫn hợp lý để tránh ùn tắc giao thông làm ô nhiễm môi trường. Thường xuyên phun xịt sân đường giao thông và các khu vực phát sinh nhằm giảm thiểu bụi phát sinh từ quá trình hoạt động của phương tiện giao thông ra vào khu chợ. Bố trí công nhân thường xuyên vệ sinh, quét dọn, thu gom rác trong khuôn viên chợ.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh: Tiếng ồn phát sinh vào thời điểm họp chợ, chủ yếu là tiếng xe chở hàng, bốc dỡ hàng hóa, tiếng đồ đạc va chạm nhau;

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn: Trong quá trình hoạt động sản xuất, của cơ sở đảm bảo tuân thủ theo QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- Tiếng ồn phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuản kỹ thuật đối với tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT, cụ thể như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Từ 6-21 giờ (dBA)** | **Từ 21-6 giờ (dBA)** | **Tần suất quan trắc định kỳ** | **Ghi chú** |
| 1 | 85 | 70 | Không | Khu vực thông thường |

# **CHƯƠNG V: KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

Cơ sở không thực hiện xả nước thải ra ngoài môi trường và không phát sinh khí thải tại nguồn, do đó không thuộc đối tượng thực hiện thu mẫu bổ sung theo quy định tại khoản 2, Điều 20 của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

# 

# **CHƯƠNG VI:** **CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

Trên cơ sở các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở, chủ cơ sở tự rà soát và đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải (nếu có trong trường hợp đề xuất cấp lại giấy phép môi trường) và chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn hoạt động, cụ thể như sau:

## 1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:

Căn cứ vào Điểm d, Khoản 1, Điều 31 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 công trình xử lý nước thải tại cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm (do nước thải sau khi xử lý qua bể tự hoại sẽ được hợp đồng với đơn vị hút hầm cầu, không xả ra môi trường).

## 2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

Cơ sở không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ nước thải, khí thải.

## 2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải: Không có

## 2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở.

**a) Quan trắc môi trường lao động**

Thực hiện theo quy định của Bộ Luật lao động và các quy định liên quan.

**b) Quan trắc chất thải rắn**

* Kiểm tra giám sát việc thu gom, lưu giữ và hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý chất thải rắn của cơ sở.
* Thông số quan trắc: khối lượng, chủng loại và hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.
* Vị trí quan trắc: 01 điểm tại khu vực lưu giữ chất thải rắn của cơ sở.
* Tần suất quan trắc: thường xuyên và liên tục từ khi phát sinh.
* Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 07:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại.
* Văn bản pháp luật thực hiện: Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường.

## 3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường định kỳ hàng năm được trình bày trong bảng sau:

Bảng 6. 1. Bảng kinh phí thực hiện quan trắc môi trường định kỳ hàng năm

| **Stt** | **Chương trình quản lý và giám sát** | **Số lượng mẫu** | **Tần suất** | **Kinh phí (đồng/năm)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Chi phí lập báo cáo | - | 1 lần/năm | 5.000.000 |
|  | Chi phí cho xử lý chất thải | Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp và chất thải nguy hại. | Thường xuyên, liên tục | 300.000.000 |
| **Tổng cộng** | | **-** | **-** | **305.000.000** |

# CHƯƠNG VII: KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Cơ sở đang trong quá trình hoạt động, trong 2 năm gần đây không có đoàn kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền.

Trong suốt quá trình hoạt động Cơ sở luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, kiểm soát, xử lý các nguồn thải phát sinh theo đúng quy định hiện hành.

# CHƯƠNG VI: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

* Chủ cơ sở cam kết tuân thủ đúng các Luật Bảo vệ Môi trường và các quy định của Nhà Nước Việt Nam liên quan đến vấn đề an toàn vệ sinh môi trường;
* Chủ cơ sở cam kết thực hiện các biện pháp khống chế ô nhiễm và hạn chế các tác động có hại đã được đưa ra và kiến nghị trong báo cáo đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường nhằm đảm bảo được Quy chuẩn môi trường Việt Nam;
* Thu gom toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở xử lý bằng hầm tự hoại, không xả thải ra ngoài môi trường. Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom định kỳ nước thải phát sinh.
* Thực hiện các biện pháp khống chế tiếng ồn, độ rung sinh ra trong suốt quá trình hoạt động của Cơ sở;
* Cam kết thu gom và xử lý chất thải rắn phát sinh theo đúng quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường.
* Chủ cơ sở sẽ tăng cường công tác đào tạo cán bộ về môi trường nhằm nâng cao năng lực quản lý môi trường tại cơ sở, bảo đảm không phát sinh các vấn đề gây ô nhiễm môi trường;
* Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường;
* Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan;
* Thực hiện đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường theo quy định trong trường hợp xảy ra các sự cố, rủi ro môi trường do hoạt động của cơ sở;
* Chịu trách nhiệm trước Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nếu xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường và vi phạm các quy chuẩn Việt Nam, các công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.
* Chúng tôi cam kết rằng những thông tin, số liệu nêu trên là đúng sự thực; nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.